

Số: 161 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2024

### KẾT LUẬN THANH TRA

#### Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây

Thực hiện Quyết định số 244/QĐ-TTr ngày 19/6/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 08/7/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 19/7/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

#### I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: lô A1/1 - 3 đường VL4, khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1101883032 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, đăng ký lần đầu ngày 24/6/2002, đăng ký lần đầu ngày 05/7/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 19/9/2022.

- Đơn vị sở hữu: Công ty Cổ phần Bibica.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: sản xuất bánh kẹo.

- Điện thoại giao dịch: 02723.638.361.

- Số tài khoản 68010000637478 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam.

- Tổng số chi nhánh/đơn vị hạch toán phụ thuộc: không.

- Đã thành lập tổ chức công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 305 người.

#### II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

##### 1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Tuy nhiên, biểu mẫu báo cáo không đúng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

- Đã báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.



## 2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động để làm việc cho doanh nghiệp.
- Số người lao động tuyển dụng trong thời kỳ thanh tra: 68 người.
- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.
- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.
- Doanh nghiệp ký hợp đồng học nghề với 31 người để làm việc cho doanh nghiệp, thỏa thuận học nghề không quá 03 tháng.

## 3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

### a. Giao kết hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm ngày 30/6/2024)

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.
- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 274 người.
- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 274 người, trong đó:
  - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 57 người;
  - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 03 tháng đến 36 tháng: 217 người.
  - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng: 0 người.
  - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.
  - + Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: 0 người.
- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 31 người (ký hợp đồng học nghề).
  - Kiểm tra 05 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động (các ông, bà: Lê Thành Nhân, Lê Minh Thiện, Lê Huỳnh Quốc Bảo, Phan Thị Hương, Nguyễn Thị Quỳnh An), mục địa điểm làm việc ghi “trong trường hợp theo yêu cầu của công việc hoặc theo sự điều động của người sử dụng lao động thì người lao động phải đi làm việc tại một số nơi ngoài địa điểm nêu trên” là không đúng quy định.

### b. Chế độ đối với người lao động thôi việc trong thời kỳ thanh tra

- Số lao động bị mất việc làm; việc trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động bị mất việc làm: không phát sinh.
- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.
- Số lao động thôi việc: 250 lao động (không có lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc).

## 4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (sau đây viết tắt là TULĐTT)

- Doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định. Tuy nhiên, hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước ngày đối thoại 05 ngày làm việc.
- Việc thương lượng tập thể, ký kết TULĐTT: không phát sinh.
- Việc thực hiện các nội dung TULĐTT đã ký kết: không phát sinh.



- Việc gửi TULĐTT đã ký kết đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương: không phát sinh.

- Doanh nghiệp đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở.

### **5. Tiền lương và trả công lao động**

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 4.680.000 đồng/tháng.

- Thu nhập thấp nhất của người lao động: 6.252.806 đồng/tháng; thu nhập cao nhất của người lao động: 36.080.943 đồng/tháng.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian (theo tháng) và sản phẩm.

- Phương pháp trả lương: trả qua tài khoản mở tại ngân hàng. Người sử dụng lao động trả chi phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương.

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Việc trả tiền lương làm thêm giờ; tiền lương làm việc vào ban đêm: kiểm tra bảng thanh toán tiền lương tháng 3/2024, doanh nghiệp đã trả tiền lương làm thêm giờ cho người lao động bằng 150% vào ngày thường, trả tiền lương làm đêm bằng 30% tính theo đơn giá tiền lương ngày thường.

- Đã trả lương ngày lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.

- Đã thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động thôi việc theo quy định.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh.

- Đã tổ chức cho người lao động ăn ca với mức: 24.000 đồng/người/ngày.

### **6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi**

- Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi: không quá 08 giờ/ngày và không quá 48 giờ/tuần đối với khối văn phòng; 08 giờ/ca đối với bộ phận sản xuất.

- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm không vượt quá số giờ quy định (kiểm tra bảng chấm công tháng 3/2024, lao động làm thêm giờ cao nhất là bà Nguyễn Hoài Ngân làm thêm 40 giờ/tháng).

- Việc thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng: doanh nghiệp thực hiện đúng theo quy định.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày/năm (chưa tính thâm niên); số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: không phát sinh.

### **7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất**

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Long An. Điểm c khoản 4 Điều 28 nội quy lao động quy định sa thải đối với “người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong một tháng” là chưa đúng quy định.



- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động: không phát sinh.
- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.
- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

## **8. Lao động đặc thù**

### **8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ**

- Tổng số lao động nữ: 124 người.
- Các quy định riêng đối với lao động nữ:
  - + Lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: không sử dụng.
  - + Đã thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi.
  - + Không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.
  - + Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.
  - + Việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động: không.
  - + Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

### **8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên**

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

### **8.3. Đối với lao động là người nước ngoài**

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

### **8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi**

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.
- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp sử dụng 01 người lao động cao tuổi; đã thỏa thuận giảm 01 giờ/ngày đối với người lao động cao tuổi.

## **9. Khiếu nại và tranh chấp lao động**

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh khiếu nại và tranh chấp lao động.

## **10. An toàn lao động, vệ sinh lao động**

- Số lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 0 người.
- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm theo quy định.



- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên gồm 11 người nhưng chưa thỏa thuận với Ban chấp hành công đoàn cơ sở về phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên.

- Số người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động: 01 người làm việc bán chuyên trách.

- Đã bố trí 01 người làm công tác y tế (bà Trần Thị Diễm Phúc có trình độ y sỹ).

- Tổng số các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động doanh nghiệp đang sử dụng: 19 máy, thiết bị (06 xe nâng hàng, 07 bình chịu áp lực, 02 pa lăng, 02 bồn chứa LPG, 02 đường ống dẫn khí đốt), đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và còn hạn sử dụng.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động. Sở theo dõi cấp giấy chứng nhận huấn luyện và cấp thẻ an toàn lao động không có chữ ký của người lao động.

- Đã trang bị đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động và lập danh mục theo dõi cấp phát. Tuy nhiên, doanh nghiệp chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã thực hiện quan trắc môi trường lao động. Kết quả quan trắc: năm 2023, đã đo 135 mẫu, trong đó có 05 mẫu không đạt tiêu chuẩn về nhiệt độ và ánh sáng; năm 2024, đã đo 130 mẫu (không có mẫu không đạt tiêu chuẩn cho phép).

- Việc thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại: không phát sinh. Doanh nghiệp cấp một số thực phẩm bổ sung (bánh mì, bánh ngọt...) cho người lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không để xảy ra tai nạn lao động.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động (tủ thuốc, túi sơ cấp cứu).

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định (năm 2023 đã khám 297 người lao động, năm 2024 đã khám 251 người lao động); lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản. Sổ khám sức khỏe định kỳ không có ảnh và chữ ký của người lao động.

**11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (sau đây viết tắt là BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN)**

- Số người thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 274 người.

+ Số người đã tham gia: 268 người.

+ Số người chưa tham gia: 06 người (ký hợp đồng lao động ngày 26/6/2024, doanh nghiệp báo tăng số lao động này trong tháng 7/2024).

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 0 người.

- Số tiền chậm đóng tại thời điểm ngày 30/6/2024: 0 đồng.



### III. KẾT LUẬN

#### 1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động; không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.6. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.7. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.8. Doanh nghiệp trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng; trả lương qua tài khoản mở tại ngân hàng, trả các loại phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương cho người lao động.

1.9. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

1.10. Đã hỗ trợ bữa ăn ca cho người lao động với mức 24.000 đồng/người/ngày.

1.11. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

1.12. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Long An.

1.13. Trong kỳ thanh tra, không phát sinh việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương, bồi thường trách nhiệm vật chất.

1.14. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.15. Tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.16. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

1.17. Đã bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động, công tác y tế.

1.18. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với 19 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng.

1.19. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động.

1.20. Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.21. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.

1.22. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.



1.23. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

1.24. Đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.25. Đã trích đóng đầy đủ tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho cơ quan BHXH.

## **2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

2.1. Báo cáo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng và cả năm không đúng theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.2. Nội dung của hợp đồng lao động chưa đảm bảo quy định: mục địa điểm làm việc ghi “trong trường hợp theo yêu cầu của công việc hoặc theo sự điều động của người sử dụng lao động thì người lao động phải đi làm việc tại một số nơi ngoài địa điểm nêu trên” là không đúng quy định tại Điều 29 Bộ luật Lao động.

2.3. Hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước ngày đối thoại 05 ngày làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.4. Điểm c khoản 4 Điều 28 nội quy lao động quy định sa thải đối với “người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong một tháng” là chưa đúng quy định tại khoản 4 Điều 125 Bộ luật Lao động.

2.5. Chưa hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.6. Chưa quy định mức phụ cấp trách nhiệm cho an toàn vệ sinh viên theo quy định tại khoản 5 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.7. Sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận huấn luyện và cấp thẻ an toàn lao động không có chữ ký của người lao động theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.

2.8. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.9. Sổ khám sức khỏe định kỳ không có ảnh của người lao động, không có chữ ký của người lập sổ theo mẫu số 03 Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

## **IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG**

Không.

## **V. HẠN CHẾ, BẤT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC**

Không.



## VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

1. Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra khi có phát sinh

2. Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.5, 2.6, 2.7, 2.8, 2.9, 2.10 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành.

3. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

4. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/8/2024./

Nơi nhận: *B*

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Nguyễn Thị Hồng Diệp**

